

**Jean-Paul SARTRE (1905 – 1980), nhà triết học Hi Lạp Sinh, nhà viết kịch, tiểu thuyết và phê bình nghệ thuật Pháp**



Jean Paul Sartre tên thật là Jean-Paul Charles Aymard Sartre, sinh ngày 21 tháng 6 năm 1905 tại thành phố Paris, nước Pháp, là con của ông Jean-Baptiste Sartre, một kỹ sư quan Hải Quân, và bà Anne-Marie Schweitzer. Bà Anne là người gốc Đức miền Alsace, là bà con của Bác Sĩ Pháp Albert Schweitzer (1875-1965), đây là nhân vật lãnh Giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 1952.

### **1/ Thời thanh niên của Jean Paul Sartre.**

Khi Jean Paul Sartre được 15 tháng, do người cha qua đời vì bệnh sốt, bà Anne-Marie đã nuôi dạy con trai này cùng với sự dạy dỗ của ông ngoại là ông Charles Schweitzer, một vị giáo

Sở trung học, dĩ y môn tiếng Đ. Vì vậy, vào thu thi u thi, Sartre đã đợc ông ngoi dĩ y cho toán học và học ng đ n v n n văn ch ng c đ n.

Từ nh Meudon từ năm 1906 từ năm 1911, Sartre là m t đ a tr không c m th y h nh phúc b i vì sinh s ng trong m t gia đình tr ng gi ki u m u, c u bé này đã ph i tuân theo k lu t m t cách nghiêm ng t, không có các b n bè cùng l a tu i, m i ng i trong gia đình có m t vai trò riêng và hoàn c nh r t "nhân t o" này khi n cho c u bé gi i "đóng k ch", t c là hành đ ng không t nhiên. K t qu c a l i s ng gia đình nghiêm kh c là c u Sartre đ m mình trong công vi c đ c sách, c u đ c t t c nh ng gì tìm th y nh ng c u a thích nh t là các cu n ti u thuy t và các truy n ng n. V sau, ông ngoi dĩ khám phá ra th l i l m này c a đ a cháu b i vì đ i v i ông c "văn ch ng không làm cho ng i ta no b ng".

C u Sartre còn g p vài đ i u không h nh phúc: m t c a c u b lác (lé) (cross-eyed) và vóc ng i nh bé, ngoài ra còn ph i luôn luôn ph n đ u v i b nh t t, nhi u l n c u t ng r ng mình đã qua đ i, k c lúc m i sinh.

Năm 1911, bà Anne Marie mang c u Sartre v sinh s ng t i thành ph Paris, h trên l u th 5 c a tòa nhà s 1, đ ng Le-Goff, r i hai năm sau c u Sartre ghi tên theo h c tr ng trung h c Montaigne và vào các năm này, c u đã đam mê đ c sách và vi t văn nh ng dù là m t h c sinh xu t s c, c u Sartre l i r t kém v đánh v n, vì v y đã b ông ngoi dĩ b t thôi h c, tr v theo m t tr ng công t i Arcachon.

Tháng 7 năm 1914, Th Chi n Th Nh t bùng n , tình tr ng chi n tranh khi n cho c u không có sách đ c. Năm sau, ông ngoi dĩ đã cho phép c u theo h c tr ng trung h c Henry IV và t i n i này, c u quen thân v i Paul Nizan.

Vào năm 1917, bà Anne Marie tái giá v i ông Joseph Mancy, m t k s và v sau đợc c làm giám đ c x ng h i quân t i La Rochelle. C u Jean Paul Sartre đã l n lên trong m t khung c nh t s n thành th , không h c m th y h nh phúc khi theo h c t i tr ng trung h c La Rochelle và luôn c m th y cô đ c. V sau trong cu n t thu t, J. P. Sartre đã vi t: "Tôi l n lên trong c nh t i tằm, tôi tr thành m t ng i l n cô đ n, không cha và không m , không nhà và không c trái tim, và h u nh không có c tên g i" và "cái h th ng này đã làm tôi kinh hoàng".

Năm 1920, J. P. Sartre tr v tr ng trung h c Henri IV và g p l i ng i b n cũ Paul Nizan r i

hai năm sau, t&#228;t nghi&#228;p b&#228;ng Tú Tài (baccalaureat) . Trong 2 năm t&#228; 1922 t&#228; 1924, Sartre đã đ&#228;u vào tr&#228;ng Louis-Le-Grand r&#228;i sau đó đã theo h&#228;c tr&#228;ng đ&#228;i h&#228;c danh ti&#228;ng Ecole Normale Supérieure (tr&#228;ng Đ&#228;i H&#228;c S&#228; Ph&#228;m), đây là c&#228;s giáo d&#228;c đã t&#228;ng đào t&#228;o các nhà t&#228; t&#228;ng và các nhà trí th&#228;c &#228;u tú c&#228;a n&#228;c Ph&#228;p. T&#228;i tr&#228;ng Đ&#228;i H&#228;c S&#228; Ph&#228;m này, J. P. Sartre đã g&#228;p các ng&#228;i b&#228;n cùng l&#228;p nh&#228; Simone Weil, Maurice Merleau-Ponty, Jean Hippolyte và Claude Levi-Strauss.

Vào th&#228;p ni&#228;n 1920 và trong th&#228;i gian còn là thi&#228;u ni&#228;n, Sartre đã ham thích môn Tri&#228;t H&#228;c do đ&#228;c cu&#228;n sách c&#228;a Henri Bergson: "Kh&#228;o lu&#228;n v&#228; các d&#228; ki&#228;n t&#228;c th&#228;i c&#228;a ý th&#228;c" (Essay on the Immediate Data of Consciousness) . T&#228;i tr&#228;ng Đ&#228;i H&#228;c S&#228; Ph&#228;m, Jean Paul Sartre đã h&#228;c h&#228;i r&#228;t nhi&#228;u v&#228; môn Tri&#228;t H&#228;c Tây Ph&#228;ng (Western Philosophy), đã th&#228;m nhu&#228;n các t&#228; t&#228;ng c&#228;a Immanuel Kant, Georg Wilhelm Friedrich Hegel và Martin Heidegger

Qua năm 1929, J. P. Sartre đã g&#228;p m&#228;t cô b&#228;n cùng l&#228;p: Simone de Beauvoir, ng&#228;i mà sau này cũng tr&#228;n nên m&#228;t nhà t&#228; t&#228;ng danh ti&#228;ng, m&#228;t nhà văn và m&#228;t ph&#228;n v&#228;n đ&#228;ng cho phong trao nam n&#228; bình quy&#228;n, sau này tác ph&#228;m n&#228;i ti&#228;ng nh&#228;t c&#228;a bà Beauvoir là cu&#228;n "Gi&#228;i T&#228;nh Th&#228; Hai" (The Second Sex). Sartre và Beauvoir là đôi b&#228;n thân, đôi tình nh&#228;n, trao đ&#228;i các m&#228;i tình l&#228;n h&#228;n và c&#228; hai đ&#228;u không là "nh&#228;ng ng&#228;i m&#228;t v&#228; m&#228;t ch&#228;ng". C&#228; hai đ&#228;u coi th&#228;ng các quy &#228;c văn hóa và xã h&#228;i, h&#228; coi đây là nh&#228;ng đ&#228;u th&#228;a nh&#228;n mang tính t&#228; s&#228;n (bourgeois), theo c&#228; v&#228; t&#228; t&#228;ng l&#228;n l&#228;i s&#228;ng.

Cũng trong năm 1929, J.P. Sartre t&#228;t nghi&#228;p tr&#228;ng Đ&#228;i H&#228;c S&#228; Ph&#228;m v&#228;i văn b&#228;ng Ti&#228;n Sĩ Tri&#228;t H&#228;c (Doctorate in Philosophy) r&#228;i sau đó, d&#228;y Tri&#228;t H&#228;c t&#228;i các tr&#228;ng trung h&#228;c thu&#228;c các thành ph&#228; Le Havre, Laon và Paris. Chính t&#228;i Le Havre, J. P. Sartre b&#228;t đ&#228;u vi&#228;t tác ph&#228;m "Bu&#228;n Nôn". T&#228; năm 1929 t&#228;i năm 1931, J. P. Sartre thi hành quân d&#228;ch trong quân đ&#228;i Ph&#228;p.

Vào năm 1933, J. P. Sartre đ&#228;c m&#228;t h&#228;c b&#228;ng đ&#228; theo h&#228;c t&#228;i Vi&#228;n Ph&#228;p Qu&#228;c (The French Institute) t&#228;i thành ph&#228; Berlin, n&#228;c Đ&#228;c, n&#228;i đây, nh&#228; s&#228; giúp đ&#228; c&#228;a ng&#228;i b&#228;n tên là Raymond Aron, J. P. Sartre đã tìm hi&#228;u "Hi&#228;n T&#228;ng Lu&#228;n" (phenomenology) c&#228;a nhà tri&#228;t h&#228;c danh ti&#228;ng Edmund Husserl, đây là nhà t&#228; t&#228;ng đã đóng góp r&#228;t nhi&#228;u vào công cu&#228;c t&#228;ng h&#228;p lý thuy&#228;t tri&#228;t h&#228;c c&#228;a chính Sartre. Cũng trong th&#228;i gian sinh s&#228;ng t&#228;i Berlin, J. P. Sartre đã đ&#228;c các công trình và quen bi&#228;t cá nh&#228;n ông Martin Heidegger, m&#228;t nh&#228;n v&#228;t đ&#228;u n&#228;n tri&#228;t h&#228;c c&#228;a th&#228; k&#228; 20 và cũng là ng&#228;i đã &#228;nh h&#228;ng t&#228;i Sartre r&#228;t nhi&#228;u.

J. P. Sartre t&#228; năm 1935 b&#228;t đ&#228;u chuy&#228;n thành m&#228;t nhà t&#228; t&#228;ng chính tr&#228; (a political thinker). Ngày 14/7/1935, ông đã tham gia vào cu&#228;c bi&#228;u tình c&#228;a M&#228;t Tr&#228;n Bình Dân (the Popular Front)

di&n hành t& Ng&c Bastille t&i Porte de Vincennes. Trong năm 1936, Sartre đ&nh k&t h&p cô Beauvoir và cô Olga Kosakiewicz thành m&t t& m tay ba nh&ng liên l&c tình c&m v&i cô Olga không thành, khi Chi&n Th& Hai bùng n&, ông b& đ&ng viên vào ngày 2/9/1939, ph&c v& trong S& Đoàn 70 đóng t&i Nancy, r&i b& thuy&n chuy&n t&i Brumath và Morsbronn. Trong th&i gian & trong quân ngũ, J. P. Sartre b&t đ&u vi&t cu&n "Th&c Th& và H& Vô" (L' Etre et le Néant).

Khi làm giáo s& ph& gi&ng t&i tr&ng trung h&c Du Havre (Lycée du Havre), J. P. Sartre cho xu&t b&n vào năm 1938 cu&n ti&u thuy&t tri&t h&c "Bu&n Nôn" (La Nausée = Nausea) bên trong ch&a nhi&u ý t&ng và ch& đ& c&a lý thuy&t tri&t h&c c&a Husserl. Nhi&u ng& i đã coi tác ph&m này là b&n "Tuyên Ngôn" c&a ch& nghĩa Hi&n Sinh" (a manifesto of the existentialism) và đây cũng là m&t trong các cu&n sách danh ti&ng nh&t c&a tác gi&. Tác gi& J. P. Sartre tin t&ng r&ng các ý t&ng c&a chúng ta là s&n ph&m c&a các kinh nghi&m mang l&i do các hoàn c&nh trong đ&i s&ng th&c và các cu&n ti&u thuy&t, các v& k&ch... đã mô t& các kinh nghi&m căn b&n này nên cũng có giá tr& gi&ng nh& các bài lu&n đ& (essays) nói lan man đ& gi&i thích các lý thuy&t tri&t h&c.

J. P. Sartre đã dùng ph&ng pháp hi&n t&ng h&c (phenomenological method) đ& ch&ng minh r&ng đ&i s&ng c&a con ng& i thì không có m&c đích. Nhân v&t chính trong tác ph&m "Bu&n Nôn" (La nausée) là Antoine Roquentin đã khám phá ra s& quá nhi&u ghê t&m (obscene overabundance) c&a th& gi&i chung quanh. Anh ta và s& cô đ&n c&a anh đã đ&n t&i nhi&u kinh nghi&m v& bu&n nôn tâm lý (psychological nausea). D&n đ&n anh ta nh&n th&c đ& c r&ng con ng& i là m&t hi&n th&c ng&u nhiên, không có ý nghĩa và giá tr& gì c&, không c&n thi&t và không có c& lý do t&n t&i. Nh& v&y con ng& i là gì? Ý th&c là gì? Con ng& i ph&i s&ng trung th&c, ph&i s&ng "trong su&t" v&i chính mình, v&i các ng& i khác, v&i đ&i...

Cu&n ti&u thuy&t k&t thúc v&i hình &nh Roquentin nghe m&t đ&n nh&c và b&ng nhiên hi&u r&ng ngh& thu&t là đ&iu t&t y&u duy nh&t c&a con ng& i. Nh& v&y con ng& i đã ph&i đ&i di&n m&t cách cô đ&n gi&a ý th&c cá nhân và thân ph&n làm ng& i, và l&i thoát đ& làm cho thân ph&n này có giá tr& là "làm ngh& thu&t".

## 2/ Jean Paul Sartre vào th&i k& Th& Chi&n Th& Hai

Khi Th& Chi&n Th& Hai bùng n&, J. P. Sartre l&i b& đ&ng viên vào quân đ&i. Ông là m&t nhân viên khí t&ng (meteorologist) , b& quân Đ&c Qu&c Xã b&t vào tháng 6 năm 1940 t&i Padoux và b& gi& làm tù binh trong 9 tháng. Trong khi & tù, J. P. Sartre đã đ&c l&i Heidegger, đã vi&t và đ&o di&n v& k&ch "Bariona" bên trong tr&i tù. T&i tháng 4 năm 1941, ông đ&c th& ra vì m&t kém và s&c kh&e suy nh& c. Đ&c tr& v& đ&i s&ng dân s&, J. P. Sartre xin đ&y h&c t&i tr&ng trung

## Jean-Paul SARTRE

T&#225;c Gi&#7843;: Phạm Văn Tuấn

Th&#7913; B&#7843;y, 17 Th&#225;ng 1 N&#259;m 2009 23:20

---

học Pasteur ở ngoại ô thành phố Paris, rồi đi học chuyên văn ở trường trung học Condorcet để thay thế môn tin giáo sư bị cấm dạy học vì giáo viên Do Thái. Khi trở về



Paris vào tháng 5 năm 1941, J. P. Sartre đã tham gia vào việc thành lập nhóm kháng chiến có tên là "Chủ Nghĩa Xã Hội và Tự Do" (Socialisme et Liberté), cùng với các nhà văn khác như Simone de Beauvoir, Merleau Ponty, Jean-Toussaint và Dominique Desanti, Jean Kanapa và các cựu sinh viên trường Đại học Sorbonne.

Vào tháng 8 năm 1941, J. P. Sartre và Simone de Beauvoir đã đi tới vùng Riviera để gặp André Gide và André Malraux, mong muốn sự ủng hộ của họ với nhóm kháng chiến nhưng chỉ hai nhân vật kia trên đã không quy thuận, vì vậy có lẽ đây là niềm thất vọng và bất mãn của J. P. Sartre.

Nhóm "Chủ Nghĩa Xã Hội và Tự Do" vì thế không thành hình và J. P. Sartre quyết định viết văn thay vì hoạt động kháng chiến tích cực. Kết quả là 3 cuốn sách ra đời: "Thức Thức và Hồn Vô", "Các Con Ruồi" (Les Mouches = The Flies) và vở kịch "Xấu Kín" (Huis-clos = No Exit). Các tác phẩm này đã không bị quân Đức Quốc Xã kiểm duyệt.

Tr&#225;c kia, J. P. Sartre đã th&#225;o lu&#225;n k&#225; c&#225;ng v&#225;i Simone de Beauvoir v&#225; các đ&#225;i u th&#225;a nh&#225;n (assumptions) văn hóa và xã h&#225;i, các mong đ&#225;i c&#225;a cách giáo d&#225;c và hu&#225;n luy&#225;n c&#225;a h&#225;, nh&#225;ng đ&#225;i u này đã b&#225; c&#225; hai coi là có tính t&#225; s&#225;n (bourgeois) c&#225; v&#225; t&#225; t&#225;ng l&#225;n l&#225;i s&#225;ng. S&#225; xung kh&#225;c gi&#225;a tr&#225;ng thái đ&#225;ch th&#225;c c&#225;a th&#225;c th&#225; (being) v&#225;i các tu&#225;n th&#225; xã h&#225;i v&#225;a mang tính áp ch&#225;, v&#225;a phá h&#225;ng tinh th&#225;n và tr&#225;ng thái "đ&#225;ch th&#225;c c&#225;a th&#225;c th&#225;" (authentic state of being), t&#225;t c&#225; đã tr&#225; thành ch&#225; đ&#225; chính c&#225;a công tr&#225;n văn ch&#225;ng và tri&#225;t h&#225;c c&#225;a J. P. Sartre và ch&#225; đ&#225; này đã th&#225; hi&#225;n trong tác ph&#225;m tri&#225;t h&#225;c chính c&#225;a tác gi&#225; v&#225;i tên là "Th&#225;c Th&#225; và H&#225; Vô" (L'Être et le Néant = Being and Nothingness, 1943). Đ&#225; c&#225; xu&#225;t b&#225;n vào năm 1943, tác ph&#225;m này đã khi&#225;n cho n&#225;n tri&#225;t h&#225;c c&#225;a J. P. Sartre đ&#225; c&#225; đ&#225;a lên hàng đ&#225;u c&#225;a các cu&#225;c th&#225;o lu&#225;n trí th&#225;c sau Th&#225; Chi&#225;n Th&#225; Hai.

Trong tác ph&#225;m tri&#225;t h&#225;c ban đ&#225;u này, J.P. Sartre đã coi con ng&#225;ng&#225;i là các th&#225;c th&#225;, h&#225; t&#225;o nên th&#225; gi&#225;i c&#225;a riêng h&#225; b&#225;ng cách n&#225;i lo&#225;n ch&#225;ng l&#225;i gi&#225;i quy&#225;n l&#225;c (authority) và ch&#225;p nh&#225;n các trách nhi&#225;m cá nhân vì các hành đ&#225;ng c&#225;a h&#225;, mà không c&#225;n s&#225; giúp đ&#225; c&#225;a xã h&#225;i, c&#225;a ni&#225;m tin tôn giáo hay đ&#225;o đ&#225;c c&#225; truy&#225;n. Tác gi&#225; cũng cho r&#225;ng s&#225; hi&#225;n h&#225;u c&#225;a con ng&#225;ng&#225;i (human existence) mang đ&#225;c tính h&#225; vô (nothingness) do kh&#225; năng ch&#225;i b&#225; và n&#225;i lo&#225;n. Các ti&#225;u thuy&#225;t và các v&#225; k&#225;ch c&#225;a J.P. Sartre đã đ&#225;n t&#225; ni&#225;m tin theo tác gi&#225;, r&#225;ng t&#225; do và nh&#225;n trách nhi&#225;m cá nhân là các giá tr&#225; chính trong đ&#225;i s&#225;ng và các cá nhân ph&#225;i tr&#225;ng vào các kh&#225; năng sáng t&#225;o c&#225;a chính mình h&#225;n là nh&#225; c&#225;y các chính quy&#225;n xã h&#225;i hay tôn giáo.

V&#225; k&#225;ch đ&#225;u ti&#225;n c&#225;a Sartre, "Các Con Ru&#225;i" (Les Mouches = The Flies, 1943) đã c&#225;u xét các ch&#225; đ&#225; v&#225; cam k&#225;t (commitment) và trách nhi&#225;m (responsibility). Tác gi&#225; đã dùng truy&#225;n thuy&#225;t c&#225; Hy L&#225;p trong đó Orestes đã gi&#225;t ch&#225;t các th&#225; ph&#225;m sát h&#225;i Agamemnon và nh&#225; v&#225;y đã gi&#225;i phóng các ng&#225;ng&#225;i dân c&#225;a thành ph&#225; kh&#225;i g&#225;n n&#225;ng t&#225;i ph&#225;m. Theo quan đ&#225;i m hi&#225;n sinh c&#225;a Sartre, ch&#225; ng&#225;ng&#225;i nào ch&#225;n trách nhi&#225;m hành đ&#225;ng trong m&#225;t hoàn c&#225;n nh&#225; đ&#225;c bi&#225;t nh&#225; c&#225;a Orestes, là ng&#225;ng&#225;i đã x&#225; đ&#225;ng h&#225;u hi&#225;u n&#225;n t&#225; do c&#225;a chính mình.

Trong v&#225; k&#225;ch th&#225; hai, "X&#225; Kín" (Huis-clos = No Exit, 1944), m&#225;t ng&#225;ng&#225;i đàn ông ch&#225; yêu mình (a man loves only himself), m&#225;t ng&#225;ng&#225;i đàn bà đ&#225;ng tính luy&#225;n ái (a lesbian), m&#225;t ng&#225;ng&#225;i đàn bà b&#225; ch&#225;ng cu&#225;ng d&#225;m (a nymphomaniac), t&#225;t c&#225; s&#225; ph&#225;i b&#225;t bu&#225;c s&#225;ng trong m&#225;t căn phòng nh&#225; sau khi ch&#225;t, và vào cu&#225;i v&#225; k&#225;ch, h&#225; còn là các k&#225; nô l&#225; cho các đ&#225;m mê c&#225;a h&#225; sau khi nh&#225;n th&#225;c đ&#225; c&#225; r&#225;ng "Đ&#225;a Ng&#225;c là các k&#225; khác" (L'Enfer, c'est les autres = Hell is other people). V&#225; k&#225;ch này đã đ&#225; c&#225; quay thành phim vào năm 1954, th&#225; vai do các tài t&#225; Michèle Morgan và Gérard Philipe, đ&#225;o đ&#225;n là Yves Allégret.

J. P. Sartre cũng tham gia vào các t&#225;p chí văn ch&#225;ng h&#225;p pháp và b&#225;t h&#225;p pháp r&#225;i sau khi thành ph&#225; Paris đ&#225; c&#225; gi&#225;i phóng, ông là m&#225;t nhà văn đ&#225;ng góp tích c&#225;c cho t&#225; báo "Chi&#225;n Đ&#225;u" (Combat). Đây là m&#225;t t&#225;p chí b&#225;t đ&#225;u trong bóng t&#225;i đ&#225; ch&#225;ng l&#225;i quân xâm l&#225;ng Đ&#225;c Qu&#225;c X&#225;.

do nhà triết học Albert Camus là người có cùng niềm tin như J. P. Sartre. Sartre và Beauvoir đã là bạn thân với Camus cho tới khi Camus ly khai khỏi chủ nghĩa cộng sản và xuất bản cuốn truyện "Kẻ Nổi Loạn" (The Rebel).

Sau này, một số tác giả đã coi J. P. Sartre là một nhân vật kháng chiến, một triết gia, nhà văn nhà kháng chiến Vladimir Jankelevitch đã trích J. P. Sartre là thiêu thân tham gia tích cực trong thời kỳ quân đội Quốc Xã chiếm đóng và đã coi các hoạt động này là vì thế do sau này của Sartre là một cách chủ nghĩa.

Thư Chiên Thư Hai chủ đề, J. P. Sartre sáng lập một nguyệt san văn chương và chính trị có tên là "Thời Đại Mới" (Les Temps Modernes = Modern Times). Ông đã viết rất nhiều bài quan điểm và cũng tham gia các hoạt động chính trị khác. Các kinh nghiệm chiến tranh của ông được mô tả trong bộ tiểu thuyết ba tập (trilogy of novels) có tên là "Các Con Đường đến Tự Do" (Les Chemins de la Liberté = The Roads to Freedom, 1945-49). Tác phẩm này là một tiểu phẩm triết lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm, giúp cho nghiên cứu hiểu rõ chủ nghĩa hiện sinh. Chủ nghĩa Hiện Sinh đã thảo luận các chủ đề như sự vô lý hiển nhiên (the apparent absurdity), tính phù phiếm của đời sống (the futility of life), tính vô tâm của vũ trụ (the indifference of the universe) và sự cam kết tham gia đời sống (engagement) vì một lý do chính đáng.

Trong các năm từ năm 1946 tới năm 1954, J. P. Sartre viết nhiều sách khảo cứu về tiểu sử, trong đó cuốn quan trọng nhất liên quan tới nghiên cứu về Jean Genet (1910-1986), một tiểu phẩm và cũng là một nhà văn, đó là cuốn "Thánh Genet: kịch sĩ và kịch chết vì đạo" (Saint Genet, comédien et martyr = Saint Genet: Actor and Martyr, 1952).

Từ năm 1964, J. P. Sartre đồng đầu với Tổ Chức bảo vệ các Tù Nhân Chính Trị người Iran (Organization to Defend Iranian Political Prisoners), kéo dài tới ngày thành công của cuộc Cách Mạng Hồi Giáo (the Islamic Revolution).

### 3/ Jean Paul Sartre và Chủ Nghĩa Cộng Sản.

Trong cuốn Chiên Tranh Lạ, trong khi các bạn bè và nhất là Albert Camus, đồng ý lập trường ủng hộ Hoa Kỳ và các nước phương tây thì J. P. Sartre lại là một con người tiến bộ và xã hội chủ nghĩa và bên vực Liên Xô. Dù vậy, ông cũng lên án các hành động toàn quyền của chủ nghĩa Xô Viết, đặc biệt là cách thức tài và thủ tục, và ông tin tưởng rằng người công nhân dù sao

cũng t&#228;t đ&#228;p t&#228;i Liên Xô h&#228;n là t&#228;i các n&#228;c t&#228; b&#228;n c&#228;a ph&#228;ng tây. J. P. Sartre đ&#228;c m&#228;i làm Phó Chủ T&#228;ch c&#228;a Hội Thân Hữu Pháp-Liên Xô (the France-USSR Association)

Sau khi nhà đ&#228;c tài Stalin qua đ&#228;i, J. P. Sartre đã ch&#228; trích h&#228; th&#228;ng cai trị Xô Viết, t&#228; cáo và lên án các trị t&#228;p trung c&#228;i t&#228;o dù cho ông v&#228;n còn &#228;ng h&#228; n&#228;c Liên Xô. Năm sau, ông đi thăm Liên Xô và đã ph&#228;i n&#228;m b&#228;nh vi&#228;n trong 10 ngày vì ki&#228;t s&#228;c. Ông cũng đã liên h&#228; yêu đ&#228;ng v&#228;i cô thông đ&#228;ch ng&#228;i Nga tên là Lena Zonina.

Qua năm 1956, khi quân đ&#228;i Liên Xô tràn vào x&#228; Hungary đ&#228; đ&#228; b&#228;p các cu&#228;c bi&#228;u tình ch&#228;ng c&#228;ng t&#228;i đ&#228;y, J. P. Sartre đã lên án cu&#228;c xâm lăng này và b&#228;nh v&#228;c quy&#228;n t&#228; do c&#228;a x&#228; s&#228; Hungary. Ông đã t&#228; ch&#228;c kh&#228;i Hội Thân Hữu Pháp-Liên Xô, r&#228;i qua năm 1968, cũng k&#228;t án Kh&#228;i Warsaw đã xâm lăng x&#228; Ti&#228;p Kh&#228;c, vì v&#228;y t&#228;i Liên Xô, ông J. P. Sartre đã b&#228; Th&#228; T&#228;ng Nikita Khrushchev ch&#228; trích.

J. P. Sartre đã tìm cách liên k&#228;t các ni&#228;m tin tri&#228;t h&#228;c và chính trị. Ông tin t&#228;ng r&#228;ng bên trong v&#228;n ch&#228;ng và tri&#228;t h&#228;c v&#228;n đã có chính trị, theo ch&#228;c năng, n&#228;u không ph&#228;i là theo n&#228;i dung. Ông mang ni&#228;m tin r&#228;ng m&#228;t tác gia hay m&#228;t ngh&#228; sĩ ph&#228;i t&#228;o nên hy v&#228;ng làm thay đ&#228;i trị t&#228; xã h&#228;i, vì v&#228;y ông đã đ&#228;n thân, vi&#228;t nhi&#228;u đ&#228; b&#228;nh v&#228;c cho các cu&#228;c tranh đ&#228;u, nh&#228;t là ch&#228;ng l&#228;i ch&#228; đ&#228; thu&#228;c đ&#228;a c&#228;a n&#228;c Pháp t&#228;i châu Phi. Trong các th&#228;p niên v&#228; sau, có l&#228; J. P. Sartre n&#228;i danh không ph&#228;i vì n&#228;n tri&#228;t h&#228;c "hi&#228;n sinh", mà vì ni&#228;m tin chính trị khuy&#228;n t&#228; nh&#228;ng ng&#228;i ta coi ông là m&#228;t nhà "x&#228; h&#228;i ch&#228; nghĩa" đ&#228;c l&#228;p (an independent Socialist).

Khi tham gia vào các ho&#228;t đ&#228;ng trí th&#228;c và chính trị, J. P. Sartre cho ra đ&#228;i tác ph&#228;m "Các Bàn Tay D&#228; B&#228;n" (Les Mains Sales = Dirty Hands, 1948). Vào th&#228;i gian này, ông đã ôm &#228;p ch&#228; nghĩa Cộng Sản nh&#228;ng l&#228;i không là m&#228;t đ&#228;ng viên, không tham gia vào m&#228;t đ&#228;ng c&#228;ng s&#228;n c&#228;a m&#228;t n&#228;c nào. Ông ho&#228;t đ&#228;ng tích c&#228;c ch&#228;ng l&#228;i ch&#228; đ&#228; thu&#228;c đ&#228;a c&#228;a n&#228;c Pháp t&#228;i x&#228; Algeria và là ng&#228;i &#228;ng h&#228; danh ti&#228;ng nh&#228;t c&#228;a cu&#228;c Chi&#228;n Tranh Gi&#228;i Ph&#228;ng Algeria (the Algerian war of liberation).

T&#228;i n&#228;c Pháp, T&#228; Ch&#228;c Đ&#228;o Quân Bí Mật O.A.S (Organization de l' Armée Secrete) th&#228;ng thi hành các ho&#228;t đ&#228;ng kh&#228;ng b&#228; ch&#228;ng l&#228;i n&#228;n đ&#228;c l&#228;p c&#228;a x&#228; Algeria, h&#228; đã cho n&#228; m&#228;t trái bom vào năm 1961 t&#228;i căn phòng c&#228;ng c&#228;a ông J. P. Sartre trên con đ&#228;ng Bonaparte, r&#228;i năm sau cũng v&#228;y, vì th&#228; ông Sartre đã ph&#228;i đ&#228;n nhà v&#228; B&#228;n Louis-Blériot, đ&#228;i đi&#228;n v&#228;i Tháp Eiffel.



J. P. Sartre cũng chấp nhận "Chiến Tranh Việt Nam" và vào năm 1967, cùng với nhà văn, nhà triết học Bertrand Russell và với vài danh nhân khác, đã thành lập "Tòa Án Russell", đây là một pháp đình có ý định phơi bày và xét xử các tội ác chiến tranh (war crimes) của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

J. P. Sartre cũng đưa ra nhu cầu thực tiễn để làm dung hòa các ý tưởng hiện sinh để với quy định tự quy định, dung hòa với các nguyên tắc công sự và tác phẩm chính trong thời kỳ trước năm 1960 là cuốn "Phê Bình Lý Trí Biện Chứng" (Critique de la raison dialectique = Critique of Dialectical Reason, 1960). Theo Sartre, con người được tạo do những phẩm chất trách nhiệm với các hành động do mình, chịu trách nhiệm với các diễn biến tình cảm. Các điều kiện nhân bản của Sartre với các giá trị nhân bản (humanist values) trong các tác phẩm trước của Karl Marx đã khiến cho các nhà triết học Pháp đã phải tranh luận với ông trong thập niên 1960. Những người dù cho là một nhà nói chuyện xuất sắc (a superb conversationalist), ông J. P. Sartre đã thua trong một cuộc tranh luận với nhà triết học Louis Althusser, ông Althusser này đã tham gia vào đảng Cộng Sản Pháp từ năm 1948 rồi trong hai thập niên 1960 và 1970, được coi là một triết gia nói có ảnh hưởng nhất của chủ nghĩa Mác Xít Phương Tây (Western Marxism).

Vào năm 1970, J. P. Sartre đã bị nhà cầm quyền Pháp bắt giữ vì bán trên những phẩm tài liệu Mao-ít bị cấm đoán, có tên là "Lý Do của dân tộc" (La cause du peuple). J. P. Sartre rời khỏi rõ các tư tưởng của Mao Trạch Đông. Ông đã từng qua Trung Hoa với Simone de Beauvoir vào năm 1955 và bà này đã quy định những viết một cuốn sách dày với nội dung này. Tuy nhiên, vào đầu thập niên 1960, cuộc cách mạng kinh tế và xã hội tại Cuba đã ám ảnh ông J. P. Sartre nhiều hơn. Ông đã từng gặp ông Fidel Castro những ngày sau đó giao với nhà đầu tư tài này.

#### 4/ Jean Paul Sartre và Văn Chứng

Nhu cầu người cho rằng trong các thập niên 1940 và 1950, các tư tưởng của Sartre vẫn còn mạnh mẽ và chủ nghĩa Hiện Sinh (existentialism) đã trở nên một triết lý của thế hệ "Beatnik". Đây là nhóm người trẻ của thập niên 1950 đã phản đối xã hội bằng các ý phản và hành động không theo các quy tắc thông thường. Các cuốn tiểu thuyết và các vở kịch rút ra từ những giai đoạn này đã chuyên chủ đề những triết học của ông và trong vở kịch nổi danh nhất "Xét Kín" (Huis-clos = No Exit), đã có một câu nói danh tiếng nhất, đó là câu "Địa Ngục là các kẻ khác" (L'enfer, c'est les autres = Hell is other people). Năm 1948, Nhà Thờ Công Giáo (the Catholic Church) đã xếp tội các tác phẩm của J. P. Sartre vào danh sách các sách bị "cấm đọc" vì ông được coi là một triết gia "vô thần" và các tác phẩm của ông là những cuốn sách khuyến khích.

Vào năm 1964, J.P. Sartre cho xuất bản cuốn "Ngôn Từ" (Les Mots = Words), đồng thời được trao tặng Giải thưởng Nobel Văn Chương, nhưng ông đã từ chối giải thưởng danh tiếng này trên thế giới này, và xác định rằng ông luôn luôn không lãnh nhận các danh dự chính thức, không mua tên xếp mình vào các định chế (institutions) và cho rằng các giải thưởng giải Nobel Giải thưởng Nobel đã cứu xét quá nặng nề mặt như hình ảnh của người viết văn.

Trong thập niên 1960, J. P. Sartre đã trở nên một nhân vật nổi danh trên thế giới và đã từ chối các danh dự mà mọi người đều nói tới, chẳng hạn như hai từ "hiện sinh". Dù thế, ông vẫn là một con người điển hình, chẳng giàu có, thế nhưng tên tuổi tranh đấu cho tự do của ông, chẳng hạn như trong dịp các sinh viên biểu tình và đình công tại Paris vào mùa hè năm 1968.

Sức khỏe của J.P. Sartre suy kém dần. Ông bị hai lần đau tim vào năm 1971 rồi một lần khác 2 năm sau, vì thế ông đã dọn nhà tới Đồi Le Edgar-Quinet. Về thể giác, ông bị chảy máu mắt nên ở trong tình trạng nửa mù (semi-blind). Để giúp đỡ ông làm việc, J. P. Sartre đã nhờ tới ông Pierre Victor là người đã giúp vào năm 1970 và đã theo lui về ông về các vấn đề đạo đức học. Ông Victor này thế nhưng đọc các sách và các bài viết mà J. P. Sartre mua nghe.

Năm 1975, khi được hỏi rằng ông mua người đi tiếp như thế ông như thế nào thì J. P. Sartre cho biết: "Tôi đọc mua được một người như thế các tác phẩm "Buồn Nôn", "Xổ Kín" và "Con Quỷ và Chúa Trời Lành" (The Devil and the Good Lord), rồi tôi hai tác phẩm triết học của tôi, được biết là cuốn sau: "Phê Phán Lý Trí Biện Chứng" (Critique of Dialectical Reason), sau đó là bài khảo luận của tôi về Genet, Thánh Genet... Nếu như người đi này được tiếp như thế, thì đó đã là một công trình rồi và tôi không còn dám đòi hỏi gì thêm. Là một người, nếu một anh Jean Paul Sartre nào đó được tiếp như thế, tôi đọc mua rằng người ta sẽ như các người và hoàn cảnh lịch sử mà tôi đã sinh sống, tôi đã sống trong đó như thế nào, và các khát vọng (aspirations) mà tôi cũng sống thu nhập trong chính tôi".

Tình trạng sức khỏe của J. P. Sartre suy kém dần, một phần cũng vì ông đã bị quá nhiều công việc viết cuốn "Phê Phán" (The Critique) và một dự án cuốn cùng trong đời của ông, đó là cuốn tiểu sử phân tích của Gustave Flaubert: "Kẻ ngu đần của gia đình" (L' idiot de la famille = The Family Idiot), cả hai tác phẩm này đều chưa hoàn thành.

Ngày thu hoạch, J. P. Sartre đã thích các tác phẩm của Gustave Flaubert cho nên khi về già, ông đã nghiên cứu về Văn Hào này để viết ra một bộ sách 4 cuốn, có tên là "Kẻ ngu đần của gia đình" (L' idiot de la famille = The Family Idiot, 1971-72). Đây là tác phẩm lớn nhất của J. P. Sartre. Khi viết cuốn tiểu sử của Gustave Flaubert này, J. P. Sartre đã dùng tới các cách diễn

## Jean-Paul SARTRE

T&#225;c Gi&#7843;: Phạm Văn Tuấn

Th&#7913; B&#7843;y, 17 Th&#225;ng 1 N&#259;m 2009 23:20

---

t̄ theo Freud (Freudian interpretations) và các ȳ u t̄ xã h̄ i và l̄ ch s̄ theo Mác Xít. J.P. Sartre đã cho th̄ y Flaubert tr̄ nên m̄ t con nḡ i do gia đình và xã h̄ i t̄ o ra và các ch̄ n l̄ a c̄ a Flaubert là t̄ hoàn c̄ nh l̄ ch s̄ c̄ a giai c̄ p c̄ a ông ta.

Nhà trī t h̄ c Jean Paul Sartre qua đ̄ i vào ngày 15/4/1980 t̄ i Paris vì ph̄ i b̄ phù (edema of the lung) và đ̄ c chôn c̄ t trong Nghĩa Trang Montparnasse thū c



thành ph̄ Paris. Đám tang c̄ a ông có h̄ n 50,000 nḡ i tham d̄ . Sau khi J. P. Sartre qua đ̄ i, nḡ i nh̄ n di s̄ n văn ch̄ ng c̄ a ông không ph̄ i là bà Simone de Beauvoir, mà là cô Arlette Elkaim, cô nḡ i tình c̄ a tác gī .

Cū c đ̄ i c̄ a trī t gia Jean Paul Sartre cũng nh̄ các giá tr̄ t̄ t̄ ng c̄ a ông thì đ̄ y ngh̄ ch lý, nh̄ ng ông v̄ n là m̄ t nhân v̄ t có c̄ m tình v̄ i nh̄ ng nḡ i b̄ đàn áp trên th̄ gī i. Gī ng nh̄

Ernest Hemingway và F. Scott Fitzgerald sau Th&#225; Chi&#225;n Th&#225; Nh&#225;t, Jean Paul Sartre là nhà trí th&#225;c Pháp r&#225;t danh ti&#225;ng sau Th&#225; Chi&#225;n Th&#225; Hai và ông cũng là nhân v&#225;t đ&#225;n đ&#225;u đã di&#225;n đ&#225;t các quan đ&#225;i m&#225;a th&#225; h&#225; sau cu&#225;c đ&#225;i chi&#225;n này.

## **5/ Các tác ph&#225;m văn ch&#225;ng và tri&#225;t h&#225;c c&#225;a Jean Paul Sartre**

- Trí T&#225;ng T&#225;ng (L' imagination = Imagination, 1936), m&#225;t phê bình tâm lý h&#225;c.
- Siêu Vi&#225;t c&#225;a B&#225;n Ngã (La transcendance de l' égo = The Transcendence of the Ego, 1937).
- Bu&#225;n Nôn (La nausée = Nausea, 1938)
- B&#225;c T&#225;ng (Le mur = The Wall, 1939).
- Ph&#225;c th&#225;o v&#225; m&#225;t lý thuy&#225;t c&#225;a c&#225;m xúc (Esquisse d' une théorie des émotions = Sketch for a Theory of the Emotions, 1939).
- T&#225;ng T&#225;ng (L' imaginaire = The Imaginary, 1940).
- Các Con Ru&#225;i (Les mouches = The Flies, 1943).
- Th&#225;c Th&#225; và H&#225; Vô (L' être et le néant = Being and Nothingness, 1943).
- Suy nghĩ v&#225; v&#225;n đ&#225; Do Thái (Réflexions sur la question juive = Reflections on the Jewish Question, 1943)

- X&# Kín (Huis-clos = No Exit, 1944).
  
- Các con đ&#ng đ&#n t&#i t&# do (Les Chemins de la liberté = The Roads to Freedom), g&#m 3 cu&#n:

  - a) Th&#i đ&#i lý trí (L' âge de raison = The Age of Reason, 1945)
  
  - b) Án Treo (Le sursis = The Reprieve, 1947)
  
  - c) C&#nh ch&#t trong tâm h&#n (La mort dans l' Âme = Iron in the Soul, 1949).

- Ch&#t không đ&#t chôn (Morts sans sépulture = Deaths without burial = The Victors, 1946).
  
- Ch&# nghĩa hi&#n sinh là m&#t ch&# nghĩa nhân b&#n (L' Existentialisme est un humanisme = Existentialism is a Humanism, 1946).
  
- Con Đ&# đáng kính (La putain respectueuse = The Respectful Prostitute, 1946).
  
- Văn Ch&#ng là gì (Qu' est ce que la littérature? = What is literature? 1947).
  
- Baudelaire, 1947.
  
- Các hoàn c&#nh (Situations, 1947-65).

- Các bàn tay d&# b&#n (Les mains sales = Dirty hands, 1948).
  
- Orpheus đen (Orph&#e Noir = Black Orpheus, 1948).
  
- Con Qu&# và Chúa t&# t l&#nh (Le diable et le bon dieu = The Devil and the Good Lord, 1951).
  
- Các ván bài đ&# xong (Les jeux sont faits = The Game is Up, 1952).
  
- Thánh Genet, k&#ch sĩ và ng&#&#i ch&#t vì đ&#o (Saint Genet, com&#dien et martyr = Saint Genet, Actor and Martyr, 1952).
  
- Ch&# nghĩa hi&#n sinh và các c&#m xúc c&#a con ng&#&#i (Existentialism and Human Emotions, 1957).
  
- Các k&# b&# k&#t t&#i t&#i Altona (Les s&#questr&#s d' Altona = The Condemned of Altona, 1959).
  
- Ph&# bình lý trí bi&#n ch&#ng (Critique de la raison dialectique = Critique of Dialectical Reason, 1960).
  
- Ngôn T&# (Les mots = The Words, 1964).
  
- K&# ngu đ&#n c&#a gia đ&#nh (L' idiot de la famille = The Family Idiot, 1971-72).